

PHỤ LỤC 2
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2026)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH				GHI CHÚ
			Tổng cộng	Tiết kiệm 10% (để tại cấp NS)	Dự toán đã phân bổ	Dự toán còn lại	
A	B	1	2	2.1	2.2	2.3	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	230,399	230,399	3,841	136,932	29,725	
I	Chi đầu tư phát triển	59,901	59,901	0			
1	Chi đầu tư cho các dự án	59,901	59,901	0			
II	Chi thường xuyên	166,478	166,478	3,841	136,932	25,705	
	<i>Trong đó:</i>						
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	86,994	86,994	1,339	69,894	15,761	
2	Chi khoa học và công nghệ	390	390	33	357	0	
3	Chi an ninh và trật tự ATXH	2,441	2,441	30	2,411	0	
4	Chi quốc phòng	2,696	2,696	44	2,243	409	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	2,066	2,066	52	1,914	100	
6	Chi văn hóa thông tin	1,617	1,617	88	1,369	160	
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	300	300	30	270	0	
8	Chi thể dục thể thao	355	355	36	264	55	
9	Chi bảo vệ môi trường	7,201	7,201	720	6,481	0	
10	Chi các hoạt động kinh tế	5,156	5,156	496	4,660	0	
10.1	Sự nghiệp nông nghiệp	434	434	24	410	0	
10.2	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	3,722	3,722	372	3,350	0	
10.3	Sự nghiệp kinh tế khác	1,000	1,000	100	900	0	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	29,188	29,188	923	24,143	4,122	
12	Chi bảo đảm xã hội	27,246	27,246	50	22,926	4,270	
13	Chi khác	828	828	0		828	
III	Dự phòng ngân sách	4,020	4,020			4,020	

PHỤ LỤC 2.1
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO TỪNG LĨNH VỰC, ĐƠN VỊ NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2026)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH	TỔNG CỘNG	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH			GHI CHÚ
				Dự toán phân bổ cho đơn vị	Tiết kiệm 10% (để tại cấp NS)	Dự toán còn lại (để tại cấp NS)	
A	B	1	2	2.1	2.2	2.3	2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	230,399	230,399	136,932	3,841	29,725	
I	Chi đầu tư phát triển	59,901	59,901		0		
1	Chi đầu tư cho các dự án	59,901	59,901		0		
II	Chi thường xuyên	166,478	166,478	136,932	3,841	25,705	
1	Văn phòng Đảng ủy phường	8,938	8,938	8,822	116	0	
2	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể xã, các tổ chức xã hội	3,184	3,184	3,146	38	0	
3	Văn phòng HĐND&UBND	20,196	20,090	18,489	1,193	409	
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (số đã thực hiện đến 30/6)	1,960	1,960	1,960	0	0	
5	Phòng Kinh tế	569	1,126	1,087	39	0	
6	Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường	2,971	3,182	3,077	105	0	
7	Phòng Văn hoá - Xã hội	25,060	24,835	24,703	131	0	
8	Ban chỉ huy quân sự phường	2,181	2,181	2,151	30	0	
9	Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công	2,351	2,351	2,213	138	0	
10	Trung tâm PV Hành chính công	1,643	1,206	1,172	34	0	
11	Trạm y tế phường Tứ Minh	1,866	1,866	1,818	48	0	
12	Khối Giáo dục, DT và dạy nghề	69,149	69,149	68,294	855	0	
12.1	Trường mầm non Cẩm Đoài	5,701	5,701	5,630	71	0	

12.2	Trường tiểu học Cẩm Đoài	6,605	6,605	6,523	82	0	
12.3	Trường THCS Cẩm Đoài	4,831	4,831	4,771	60	0	
12.4	Trường mầm non Tứ Minh	9,201	9,201	9,087	114	0	
12.5	Trường tiểu học Tứ Minh	18,047	18,047	17,823	224	0	
12.6	Trường THCS Tứ Minh	14,079	14,079	13,905	175	0	
12.7	Trường THCS Nguyễn Huệ	9,664	9,664	9,548	115	0	
12.8	Trung tâm Chính trị phường Tứ Minh	1,021	1,021	1,006	14	0	
13	Dự toán đầu năm chưa phân bổ	26,411	26,411	0	1,114	25,296	
13.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	16,245	16,245	0	484	15,761	
13.2	Chi y tế, dân số và gia đình	100	100	0	0	100	
13.3	Sự nghiệp Văn hoá - thông tin	200	200	0	40	160	
13.4	Sự nghiệp Thể dục thể thao	55	55	0	0	55	
13.5	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	4,713	4,713	0	591	4,122	
13.6	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	4,270	4,270	0	0	4,270	
13.7	Chi khác NS	828	828	0	0	828	
III	Dự phòng ngân sách	4,020	4,020	0	0	4,020	

PHỤ LỤC 3
BIỂU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG TỨ MINH NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2026)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	GHI CHÚ
A	B	C	D
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG	230,399	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	155,326	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	8,639	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	146,687	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	75,073	
-	Thu bổ sung cân đối	48,612	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	26,461	
III	Thu kết dư	0	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	230,399	
I	Tổng chi cân đối ngân sách phường	230,399	
1	Chi đầu tư phát triển	59,901	
2	Chi thường xuyên	166,478	
3	Dự phòng ngân sách	4,020	

